



## Chương 3. CSS

ThS. Trần Anh Dũng  
Email: [dungta@uit.edu.vn](mailto:dungta@uit.edu.vn)

# Nội dung



**Lịch sử CSS**

**Cơ bản về CSS**

**Cú pháp CSS**

**Bộ chọn (Selector)**

**Các loại style cơ bản trong CSS**

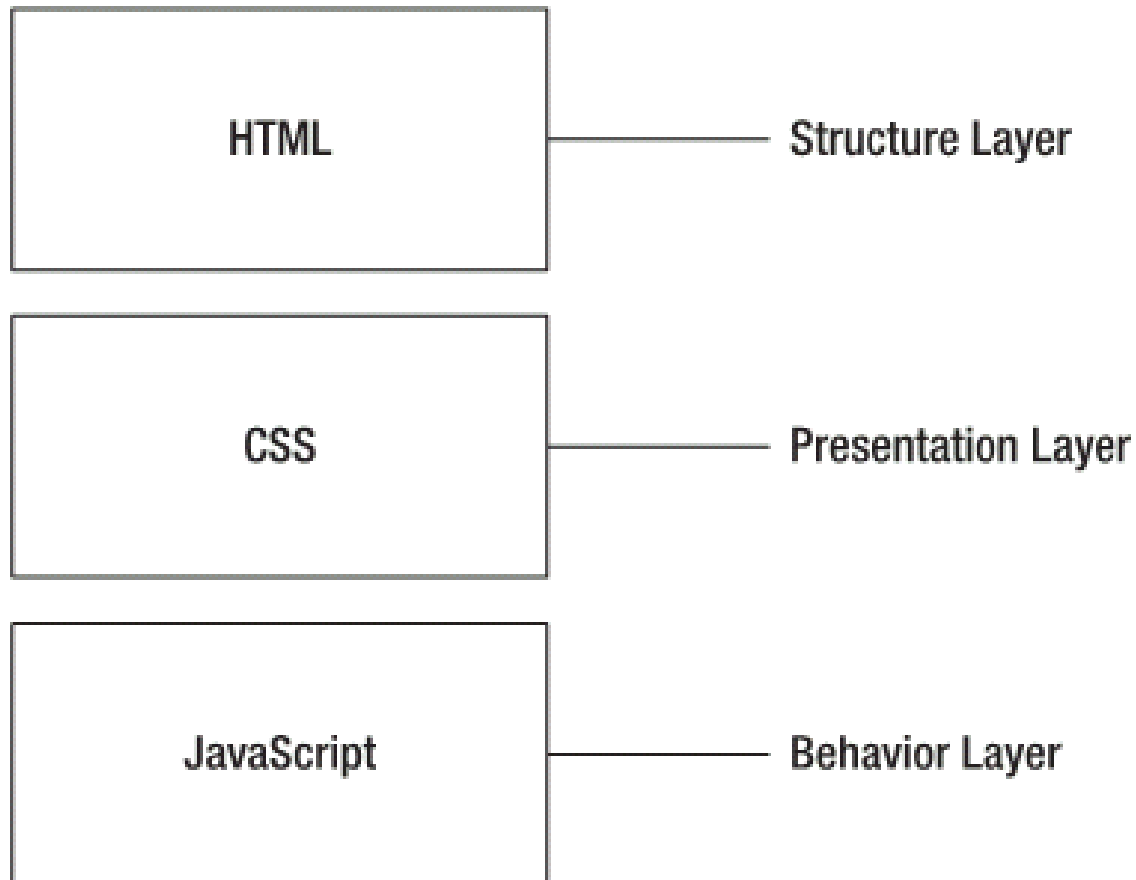
# Lịch sử

- ❖ CSS bắt đầu năm 1994, khi xuất hiện nhu cầu trình bày trang web theo bố cục như tạp chí.
- ❖ Năm 1995, W3C bắt đầu hoạt động.
- ❖ 12/1996 CSS1 trở thành đề nghị của W3C.
- ❖ 2/1997 W3C thành lập nhóm nghiên cứu về CSS.
- ❖ 5/1998 CSS2 được đề nghị
- ❖ Hiện nay, CSS3 đang được thử nghiệm và triển khai trên các hệ browser mới.

# Cơ bản về CSS

- ❖ CSS là một chuẩn để định dạng các trang Web.
- ❖ CSS dùng để mô tả các thành phần trên trang web.
- ❖ CSS phá bỏ rào cản HTML bằng cách cho phép có thêm nhiều đặc tả thuộc tính chuẩn để phục vụ cho việc dàn trang và định dạng.
- ❖ Những thuộc tính này được áp dụng vào trong tài liệu mà không phá vỡ cấu trúc HTML đã có sẵn.

# Cơ bản về CSS



Mô hình 3 lớp trong phát triển WEB

# Cơ bản về CSS

## ❖ Cách áp dụng CSS:

- Dùng inline style
- Nhúng các style sheet (internal style sheet)
- Liên kết với một style sheet
- Bao gộp một style sheet



# Cách áp dụng CSS

❖ **Dùng inline style:** là cách dùng style ngay trong câu lệnh, chỉ cần bổ sung thêm thuộc tính STYLE vào sau một phần tử HTML nào đó theo.

❖ Cú pháp:

<thẻ style="thuộc tính:giá trị; thuộc tính:giá trị;....">

Nội dung

</thẻ>

```
<body style="background-color:yellow;">
<h1 style="font-family:verdana;">A heading</h1>
<p style="font-family:arial;color:red;font-size:20px;">A paragraph.</p>
<h1 style="text-align:center;">Center-aligned heading</h1>
<p>This is a paragraph.</p>
```

# Exercise 1

Set "background-color: linen" for the page, using an inline style.

```
<!DOCTYPE html>
```

```
<html>
```

```
<head>
```

```
</head>
```

```
<body>
```

```
<h1>This is a Heading</h1>
```

```
<p>This is a paragraph.</p>
```

```
<p>This is another paragraph.</p>
```

```
</body>
```

```
</html>
```

## This is a Heading

This is a paragraph.

This is another paragraph.



# Exercise 2

Set the font family for the page to "Courier New", and the font family for <h1> to "Verdana".

```
<!DOCTYPE html>
```

```
<html>
```

```
<head>
```

```
<style>
```

```
</style>
```

```
</head>
```

```
<body>
```

```
<h1>This is a Heading</h1>
```

```
<p>This is a paragraph.</p>
```

```
<p>This is another paragraph.</p>
```

```
</body>
```

```
</html>
```

## This is a Heading

This is a paragraph.

This is another paragraph.

# Cách áp dụng CSS

## ❖ Nhúng style sheet (internal style sheet):

- Định nghĩa một khối (phân biệt bởi các thẻ `<style type = "text/css">` và `</style>`) được đặt trong phần head của tài liệu.
- Khối này là một tập các style rule (qui tắc về kiểu dáng), trong đó mỗi qui tắc định nghĩa style cho một phần tử hay một nhóm các phần tử HTML.

# Cách áp dụng CSS

## ❖ Nhúng style sheet (internal style sheet):

```
<head>
<style type="text/css">
h1 {color:red;}
h2 {color:blue;}
p {color:green;}
</style>
</head>
<body>
<h1>All header 1 elements will be red</h1>
<h2>All header 2 elements will be blue</h2>
```

# Exercise

Set "background-color: linen" for the page, using an internal style sheet.

```
<!DOCTYPE html>
<html>
<head>
</head>
<body>

<h1>This is a Heading</h1>
<p>This is a paragraph.</p>
<p>This is another paragraph.</p>

</body>
</html>
```

## This is a Heading

This is a paragraph.

This is another paragraph.

# Cách áp dụng CSS

## ❖ Liên kết đến style sheet:

- Có thể lưu style sheet trong một tập tin riêng biệt và liên kết nó đến một hay nhiều tài liệu, bằng cách sử dụng thẻ `<link>` trong phần `<head>`:

```
<link REL="stylesheet" type="text/css"
      href="mystyles.css">
```

- Style sheet được liên kết chứa những khai báo về style, hoạt động giống như style sheet nhúng, chỉ khác là những style rule không đóng trong cặp thẻ `<style type="text/css"></style>`.

# Ví dụ - Liên kết đến style sheet

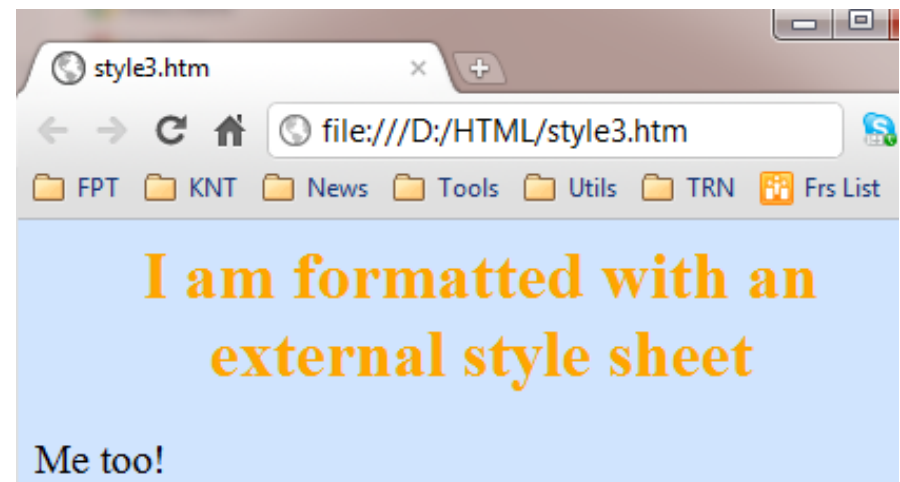
```
styles.css  style3.htm*  style2.htm*  style1.htm*

body
{
    background-color:#d0e4fe;
}

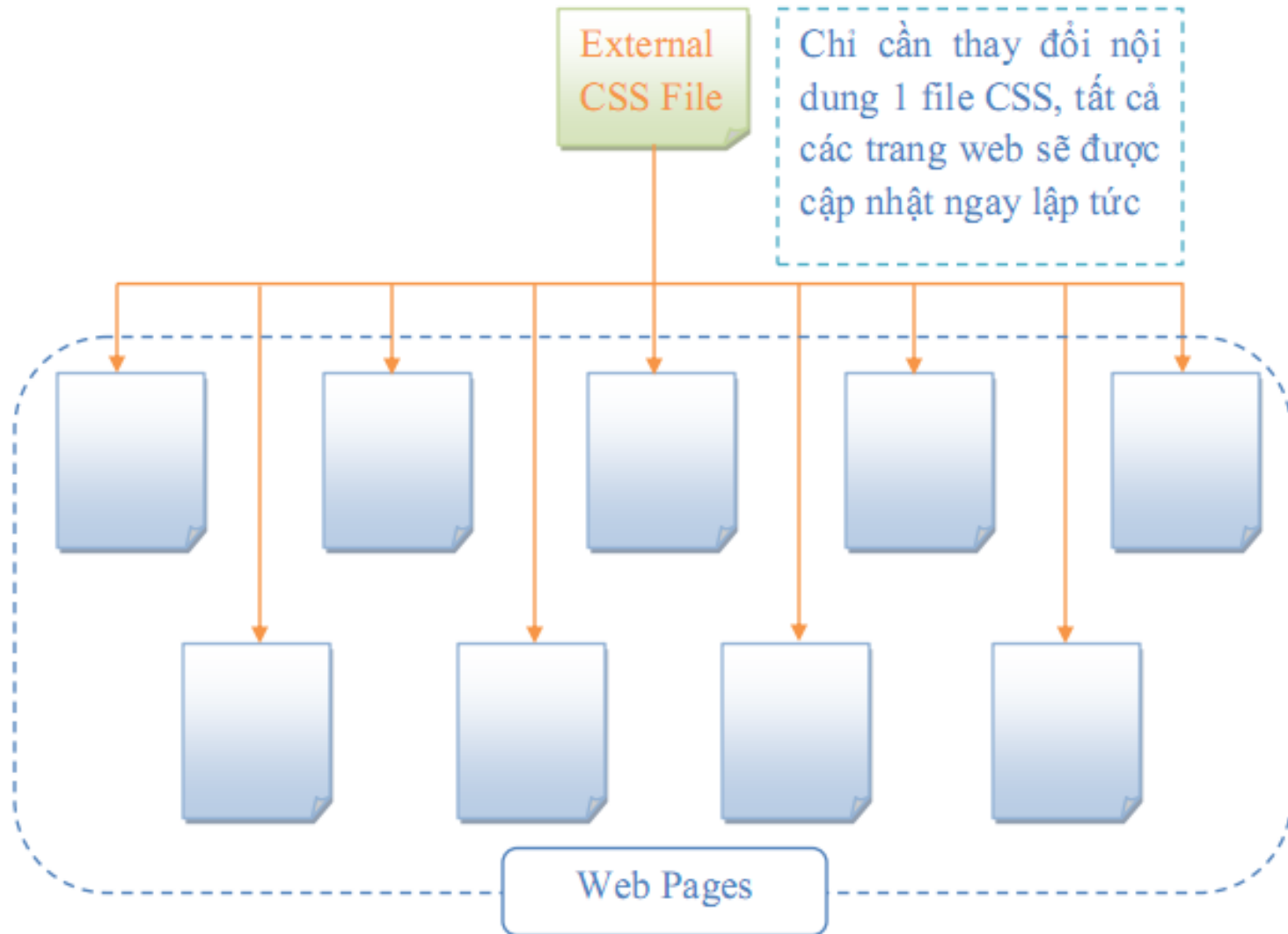
h1
{
    color:orange;
    text-align:center;
}

p
{
    font-family:"Times New Roman";
    font-size:20px;
}
```

```
<head>
<link rel="stylesheet"
      type="text/css"
      href="styles.css" />
</head>
<body>
<h1>Định dạng bên ngoài HTML</h1>
<p>Me too!</p>
</body>
```



# Liên kết đến style sheet



# Lợi ích của CSS

- ❖ Thẩm mỹ, giữ tính thống nhất cho trang HTML.
- ❖ Định dạng một số tính chất thông thường cùng một lúc cho tất cả các đối tượng trên trang
- ❖ Tiết kiệm thời gian
- ❖ Khi thay đổi định dạng chỉ cần thay đổi CSS, các trang khác sẽ tự động cập nhật sự thay đổi đó
- ❖ Có thể dùng các CSS cùng với JavaScript để tạo các hiệu ứng đặc biệt.



# Cú pháp CSS

- ❖ Cú pháp của CSS được tạo nên bởi 3 thành phần:
  - Phần tử chọn (thường là một thẻ HTML) (Selector)
  - Thuộc tính (Property)
  - Giá trị (Value)
- ❖ Cú pháp của CSS được thể hiện như sau:

Selector

```
{  
    Thuộc tính 1: giá trị;.....  
    Thuộc tính n: giá trị;  
}
```

# Cú pháp CSS

❖ Ví dụ:



❖ Ngoài các Selector là các phần tử HTML, người dùng có thể tự định nghĩa thêm các selector khác: ID và Class selector

# Selector – Dùng thẻ HTML

- ❖ Dùng các phần tử HTML làm phần tử chọn là cách tốt nhất để áp dụng CSS nếu muốn tất cả các phần tử thuộc một kiểu nào đó xuất hiện với cùng một định dạng
- ❖ Cách làm này là cứng nhắc nhất trong 3 cách nhưng nó là cách tốt nhất để đảm bảo tính nhất quán của việc định dạng suốt tài liệu.
- ❖ Dùng thẻ HTML làm phần tử chọn thường được dùng là định dạng các siêu liên kết trong tài liệu.

# Selector – Dùng thẻ HTML

❖ Ví dụ:

```
<STYLE TYPE="text/css">  
    a{ text-decoration:none; }  
</STYLE>
```

```
body { color: black }
```

```
p { text-align: center }
```

```
p  
{ text-align: center;color: red;  
  font-family: arial  
}
```

# Selector – Dùng CLASS

- ❖ Bằng việc tạo ra các lớp (CLASS), có thể định nghĩa nhiều kiểu thể hiện khác nhau cho cùng một thẻ HTML và áp dụng mỗi lớp vào một vị trí cần thiết trên trang web.
- ❖ Có 2 cách dùng:
  - Các CLASS gắn với 1 thẻ cụ thể
  - Các CLASS không gắn với một thẻ cụ thể (có thể gắn với hầu như tất cả các thẻ)

# Selector – Dùng CLASS

## ❖ Các CLASS gắn với 1 thẻ cụ thể:

- Ví dụ: Trên trang web có 3 loại đoạn văn: Đoạn văn canh lề trái, đoạn văn canh lề giữa và đoạn văn canh lề phải. Khi đó có thể định nghĩa 3 lớp riêng biệt cho 3 loại đoạn văn này như sau:

```
p.trai { text-align: left }
```

```
p.phai { text-align: right }
```

```
p.giua { text-align: center }
```

# Selector – Dùng CLASS

## ❖ Các CLASS gắn với 1 thẻ cụ thể:

- Tiếp theo, trong trang HTML sử dụng như sau:

`<p class="trai">Đoạn văn này được canh lề trái.</p>`

`<p class="phai">Đoạn văn này được canh lề phải.</p>`

`<p class="giua">Đoạn văn này được canh lề giữa.</p>`

# Các CLASS gắn với 1 thẻ cụ thể

```
<!DOCTYPE html>
<html>
<head>
<style>
p.normal {
    font-style: normal;
}

p.italic {
    font-style: italic;
}

p.oblique {
    font-style: oblique;
}
</style>
</head>
<body>

<p class="normal">This is a paragraph in normal style.</p>
<p class="italic">This is a paragraph in italic style.</p>
<p class="oblique">This is a paragraph in oblique style.</p>

</body>
</html>
```



# Selector – Dùng CLASS

## ❖ Các CLASS gắn với tất cả các thẻ cụ thể:

- Có thể tạo ra một lớp mà lớp đó có thể gắn vào hầu như các thẻ trong trang web bằng cách bỏ tên thẻ ở đầu đi nhưng nhớ giữ lại dấu chấm (.)
- Ví dụ: định nghĩa một lớp "giua" có thể gắn với bất cứ thẻ nào:

```
.giua { text-align="center"; }
```

```
<p class="giua">Đoạn này canh lề giữa.</p>
```

```
<td class="giua">Câu này canh giữa. </td>
```

# Selector – Dùng CLASS

## ❖ Đa lớp (Multi class):

- Một thẻ có thể được **gán nhiều lớp** bằng cách chỉ ra danh sách tên các lớp được phân cách nhau bằng khoảng trắng

```
.warning { color: red }
```

```
.highlight { background-color: yellow }
```

```
<h3 class="warning highlight">Danger</h3>
```

```
<p class="highlight">An important point.</p>
```

# Selector – Dùng ID

- ❖ Định danh (ID) cũng cho phép chia các thẻ thành nhiều loại khác nhau.
- ❖ Một lớp có thể áp dụng nhiều lần ở nhiều vị trí trên trang web
- ❖ Định danh chỉ có thể áp dụng được duy nhất cho 1 thẻ và tên của định danh phải là duy nhất trên 1 trang web.
- ❖ Quy tắc cho Style dùng ID làm phần tử chọn bắt đầu bằng dấu thăng (#)

# Selector – Dùng ID

- ❖ Đoạn mã dưới đây có thể áp dụng cho thẻ <P> có ID là para1

```
p#para1
```

```
{
```

```
text-align: center;
```

```
color: red
```

```
}
```

- ❖ Khi sử dụng như sau:

```
<p id="para1">Đoạn văn bản</p>
```

# Selector – Dùng ID

- ❖ Đoạn mã dưới đây có thể có hiệu lực cho thẻ đầu tiên có ID là xyz:

```
#xyz {color: green}
```

- ❖ Khi sử dụng:

```
<p id="xyz">Đoạn văn bản</P>
```

- ❖ Các thẻ khác không sử dụng được:

```
<b id = "xyz">Đoạn văn bản <b>
```

# Selector – Dùng ID

- ❖ Đoạn mã dưới đây chỉ có thể áp dụng cho thẻ <p> đầu tiên:

```
p#w345 {color: green}
```

- ❖ Khi sử dụng:

```
<p id="w345">Đoạn văn bản</p>
```

- ❖ Và đoạn dưới đây không có hiệu lực:

```
<h1 id="w345">Đoạn này không được áp dụng</h1>
```

# Selector – Ví dụ

```
body{background-color:#d0e4fe;}
h1{color:orange;text-align:center;}
p{font-family:"Times New Roman";font-size:20px}
#kstyle{text-align:right; color:red;}
.center {text-align:center; color:blue;}
.bigfont{font-size:50px}
p.right {text-align:right; color:Fuchsia}
```

```
<html>
<head>
<link rel="stylesheet" type="text/css"
      href="styles.css" />
</head>
<body>
<h1>Noi dung 1</h1>
<p>Noi dung 2</p>
<h1 id="kstyle">Noi dung 3</h1>
<p id="kstyle">Noi dung 4</p>
<h1 class="center">Noi dung 5</h1>
<p class="center">Noi dung 6</p>
<p class="center bigfont">Noi dung 7</p>
<h1 class="right">Noi dung 8</h1>
<p class="right">Noi dung 9</p>
</body>
</html>
```

Noi dung 1

Noi dung 2

Noi dung 3

Noi dung 4

Noi dung 5

Noi dung 6

Noi dung 7

Noi dung 8

Noi dung 9

# Ưu tiên sử dụng nhiều style sheets

- ❖ Trong trường hợp dùng nhiều loại CSS cùng lúc:
  - Các style sẽ được trộn với nhau
  - Trong trường hợp có một thuộc tính được define ở nhiều nơi, style được định nghĩa ở mức ưu tiên cao nhất sẽ được sử dụng.
  - Các kiểu định nghĩa style được sắp xếp theo mức độ ưu tiên:
    - Mặc định browser
    - Styles định nghĩa ở file ngoài
    - Styles định nghĩa ở phần head
    - Styles nhúng trong các phần tử HTML



# Ưu tiên sử dụng nhiều style sheets

## ❖ Ưu tiên Selector:

- Bộ chọn ID có ưu tiên cao hơn bộ chọn class
- Nên dùng External CSS cho toàn bộ Website
- Với các trang web cần style riêng thì sử dụng style nội bộ
- Đối với các thẻ cần style khác với style chung thì dùng style nhúng trong phần tử HTML

# Các loại style cơ bản trong CSS

- ❖ Nền trang Web (background): x-color, x-image, x-repeat, x-attachment, x-position
- ❖ Văn bản:
  - Heading: text-align, text-transform, color,...
  - Paragraph: indented, aligned, space,...
- ❖ Font chữ: font-family, font-style, font-size,...
- ❖ Liên kết: text-decoration, background-color,...
- ❖ Danh sách: list-style-type, list-style-image,...
- ❖ Bảng biểu: border, width, height, text-align, padding, color,...
- ❖ Hộp (chung): width, padding, border, margin,...

# Q & A

